

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2020.
“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Anh Lợi

2. Ông Danh Lươl

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc nhưng từ năm 2018 thì cuộc sống hôn nhân của anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thông cảm chia sẻ trong cuộc sống hôn nhân, anh T không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Chị và anh T nhiều lần tìm cách hàn gắn lại tình cảm nhưng không được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Lê Phước S (giới tính nam), sinh ngày 01/5/2004 và cháu Phạm Lê Phước Th (giới tính nam), sinh ngày 08/5/2013, hai cháu hiện đang ở chung với gia đình, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 8 năm 2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Trong thời gian anh chị sống chung, do anh làm ăn thất bại nên anh đã đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà nên không lo được cho gia đình. Anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung muốn theo ai thì người đó nuôi.

Tại phiên tòa chị Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh Phạm Văn T.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị Lê Thị L khẳng định không còn tình cảm với anh Phạm Văn T, cương quyết yêu cầu ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Phước S, Phạm Lê Phước Th cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn và nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị L và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân trong thời gian dài, có con chung với nhau, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, dẫn

đến ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa chị cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, chị khẳng định không còn tình cảm với anh T, không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị thì xác định được hiện tại anh chị đã ly thân không còn sống chung một nhà, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau như vậy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L và anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Lê Phước S (giới tính nam), sinh ngày 01/5/2004 và cháu Phạm Lê Phước Th (giới tính nam), sinh ngày 08/5/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu S và cháu Th có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị L. Tại phiên tòa anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Lê Phước S và cháu Phạm Lê Phước Th cho chị L nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị L và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L đối với anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Lê Phước S (giới tính nam), sinh ngày 01/5/2004 và cháu Phạm Lê Phước Th (giới tính nam), sinh ngày

08/5/2013 cho chị L nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Phạm Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001813 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã Mỹ Phú, H. Châu Phú
- Tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng